

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/HS-ST

Ngày 12 – 9 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hà và ông Đinh Xuân Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Phi H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an thành phố G, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2023/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Văn P, sinh năm 1987, tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: số 64, KP 7, phường P, thành phố Thủ D, tỉnh B Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nam, trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Thợ hàn xì; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Trần Kim A (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/4/2023, đang tạm giam – Có mặt.

- **Bị hại:** Bà Trần Thị B và ông Lê Văn P1; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Mai Xuân T; Địa chỉ: Thôn H, xã B, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Trần Hoài A1; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Hữu H; Địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

3. Anh Nguyễn Văn H1; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

4. Anh Lương Xuân T2; Địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Hoàng Văn H và ông Bùi Việt A - Chiến sỹ nhà tạm giữ Công an thành phố G, tham gia tại điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 8/2022, Phạm Văn P nhận làm công trình cửa và mái tôn cho vợ chồng bà Trần Thị B và ông Lê Văn P1, cùng trú tại tổ 01, phường A, thành phố G. Trong thời gian này, P chơi game đầu tư tiền ảo trên mạng Internet bị thua lỗ hết tiền nên P nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Blade BKS 48B1-565.20 của vợ chồng bà B mang đi bán lấy tiền để tiếp tục đầu tư tiền ảo. Khoảng 19h00' ngày 21/8/2022, P đến nhà bà B để mượn xe mô tô 48B1-565.20 để bà B tin tưởng cho mượn xe, P nói dối bà B cho P mượn xe đi đến tỉnh B Phước thăm anh trai bị ốm, thì bà B tin tưởng đồng ý và giao xe cùng chìa khóa, Giấy đăng ký xe cho P mượn.

Sau khi mượn được xe của bà B, đến khoảng 10h00' ngày 22/8/2022, P một mình điều khiển xe đến tiệm cầm đồ “Mạnh T” chủ quán cầm cố là anh Mai Văn T ở thôn H, xã B, thành phố G, do anh Mai Văn T làm chủ. P nói dối anh T đây là xe của P mua của người khác nhưng đã làm mất giấy mua bán và nói anh T cầm cố xe cho P với số tiền 7.000.000 đồng thì anh T đồng ý, anh T lập Hợp đồng cầm cố ghi ngày 22/8/2022 đưa cho P giữ cùng số tiền 7.000.000 đồng; P nhận tiền và giao xe, Giấy đăng ký xe và Chứng minh nhân dân của P cho anh T giữ. Sau khi có tiền, P tiếp tục nạp tiền chơi game và thua hết số tiền này. Đến ngày 23/8/2022, chị B gặp và hỏi P xe mô tô 48B1-565.20 đâu thì P nói dối quá trình điều khiển xe đi tỉnh B Phước thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông lập biên bản và tạm giữ xe, hẹn 01 tháng sau lên giải quyết và nhận lại xe thì chị B tiếp tục tin tưởng.

Đến ngày 31/8/2022, do muốn tiếp tục có tiền đầu tư tiền ảo nên P đến tiệm cầm đồ Mạnh T, hỏi bán chiếc xe mô tô 48B1-565.20 cho anh T thì anh T đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng, trừ đi 7.000.000 đồng anh T đã đưa cho P khi nhận cầm cố xe, còn lại 1.000.000 đồng anh T nói vợ là chị Hoàng Thị H đưa cho P, đồng thời nói chị H xé bỏ Hợp đồng cầm cố cũ và lập lại Hợp đồng cầm cố mới với số tiền cầm cố là 8.000.000 đồng. Chị H yêu cầu P viết vào mặt sau

của Hợp đồng nội dung thể hiện P cam kết xe mô tô 48B1-565.20 là tài sản của P và đồng ý bán xe cho anh T. Số tiền 1.000.000 đồng có được từ việc bán xe, P đã tiêu xài cá nhân và chơi game thua hết. Sau đó, sợ chị B phát hiện và tố giác hành vi của mình nên P đã trốn khỏi địa P. Đến ngày 26/10/2022, anh T đã bán xe 48B1-565.20 cho anh Lương Xuân T2 với số tiền 12.500.000 đồng

Khoảng 01 tháng sau, qua tìm hiểu chị B biết P đã bán chiếc xe của mình cho tiệm cầm đồ nên đã làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố G. Cơ quan CSĐT đã triệu tập P đến làm việc, P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 95/KL-HĐĐG ngày 28/11/2022 của H đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố G kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, BKS 48B1-565.20 trị giá 15.890.000đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, BKS 48B1-565.20; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Văn P; 01 bản gốc Giấy bán xe đề ngày 26/10/2022, người bán là Mai Văn T, người mua là Lương Xuân T2 (*Do anh T2 tự nguyện giao nộp*).

- 01 bản gốc Hợp đồng cầm cố xe mô tô BKS 48B1-565.20 ghi ngày 22/8/2022, số tiền cầm cố là 8.000.000đồng (*Do anh Mai Văn T tự nguyện giao nộp*).

- Đối với Hợp đồng cầm cố xe với số tiền 7.000.000đồng, ngày 31/8/2022 khi bán xe bị can P đã đưa cho chị Hoàng Thị H xé bỏ nên không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS-GN ngày 04-7-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Phạm Văn P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các tình tiết buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị H đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam; Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an thành phố G ra Quyết định xử lý vật chứng số 34/QĐ-CQĐT-ĐTTH trả lại chiếc xe mô tô 48B1-565.20 và Giấy đăng ký xe cho ông Lê Văn P và bà Trần Thị B là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 Hợp đồng cầm cố và 01 Giấy bán xe là các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị can nên lưu cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, bà B và ông P không có yêu cầu gì thêm. Anh Lương Xuân T2 đã được anh T bồi thường 01 chiếc xe mô tô khác có giá trị tương đương chiếc xe đã bị Cơ quan CSĐT thu giữ nên không yêu cầu gì thêm. Buộc bị cáo Phạm Văn P phải trả cho anh Mai Văn T 8.000.000 đồng tiền mua xe.

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại bà Trần Thị B và ông Lê Văn P xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:

Do thiếu tiền đầu tư tiền ảo trên Internet nên khoảng 09 giờ ngày 21/8/2022 bị cáo Phạm Văn P đã nảy sinh ý định đưa thông tin gian dối là mượn xe mô tô của vợ chồng bà Trần Thị B để đi thăm anh trai bị ốm ở P nhằm để vợ chồng bà B tin tưởng giao xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, BKS 48B1-565.20 và giấy tờ xe cho bị cáo. Sau đó bị cáo P đã mang xe đi cầm cố, sau đó bán cho anh Mai Văn T lấy số tiền 8.000.000đ để chơi game và tiêu xài cá nhân hết.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ hành vi chiếm đoạt trái phép nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân cộng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Do bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Ông Lê Văn P và bà Trần Thị B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết; Anh Lương Xuân T2 không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa anh Mai Xuân T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo đồng ý trả tiền cho anh Mai Xuân T. Xét thấy, thỏa thuận trên là phù hợp Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an thành phố ra Quyết định xử lý vật chứng số 34/QĐ-CQĐT-ĐTTH trả lại chiếc xe mô tô 48B1-565.20 và Giấy đăng ký xe cho ông Lê Văn P và bà Trần Thị B là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 Hợp đồng cầm cố và 01 Giấy bán xe là các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu cùng hồ sơ vụ án.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt là phù hợp cần chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 01 năm tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/4/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an thành phố ra Quyết định xử lý vật chứng số 34/QĐ-CQĐT-ĐTTH trả lại chiếc xe mô tô 48B1-565.20 và Giấy đăng ký xe cho ông Lê Văn P và bà Trần Thị B là chủ sở hữu hợp pháp; Lưu hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng cầm cố và 01 Giấy bán xe.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn P phải bồi thường cho anh Mai Văn T số tiền 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Mai Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ông Lê Văn P và bà Trần Thị B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết; Anh Lương Xuân T2 không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí : Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn P phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP. G;
- Phòng PV 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. G;
- Cơ quan THAHS Công an TP. G;
- Chi cục THADS TP. G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh